

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC * BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số đặc biệt

Tháng 9/2018



ISSN 2354-0753

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

VIETNAM JOURNAL OF EDUCATION
ISSN 2354-0753

Năm thứ mười tám
Ra ngày 5 và 20 hàng tháng

SỐ ĐẶC BIỆT (tháng 9/2018)

Tổng biên tập

LÊ THANH OAI

Hội đồng biên tập

PHẠM MINH HẠC

TRẦN VĂN NHUNG

ĐINH QUANG BÁO

NGUYỄN THỊ CÔI

PHẠM TẤT DONG

ĐẶNG VĂN ĐỨC

CAO CỤ GIÁC

NGUYỄN THANH HÙNG

NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

BÙI VĂN NGHỊ

NGUYỄN QUANG NINH

THÁI VĂN THÀNH

ĐỖ HƯƠNG TRÀ

NGUYỄN THỊ MỸ TRINH

DOROTHY I-RU CHEN

MASARU TAKIGUCHI

HANS-GEORG WEIGAND

HAMID CHAACHOUA

CHOKCHAI YUENYONG

Trụ sở:

Số 4 Trịnh Hoài Đức - Hà Nội

Fax: (024) 37345363

<https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn>

Email: tapchigiaoduc@moet.gov.vn

Ban Biên tập: (024) 37343571

Email: banbientap@moet.gov.vn

Ban Thư kí tòa soạn: (024) 37345663

Email: banthuki@moet.gov.vn

Ban Trị sự: (024) 37345363

Email: bantrisu@moet.gov.vn

Tài khoản:

102010000026240 Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh TP. Hà Nội

1400201033693 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Láng Hạ - Hà Nội

Trình bày:

Quang Linh - Hoàng Mai

Giấy phép xuất bản: Số 1909/CBC-BCTU, ngày 15/12/2017

In tại: Công ty Cổ phần In và Truyền thông Kết Thành - Số 5, ngách 26/56 đường Cầu Diễn, P. Phú Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Mục lục - Số đặc biệt tháng 9/2018

ĐẨY MẠNH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG NGÀNH GIÁO DỤC

Trần Thanh Hương: Từ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thế hệ trẻ Việt Nam đến việc phát triển nguồn lực con người trong thời đại mới hiện nay 2

Nguyễn Thị Thanh Tùng - Trần Ngọc Viên: Giáo dục tinh thần thi đua yêu nước cho thanh niên Việt Nam hiện nay theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 5

QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Nguyễn Thị Kim Ngân: Biện pháp quản lý hoạt động đánh giá sự phát triển của trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh 9

Huỳnh Thị Ngọc Mai: Một số vấn đề lý luận về phát triển đội ngũ hiệu trưởng trường trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục 14

Mai Hoàng Sang: Mối quan hệ giữa năng lực nghề nghiệp của hiệu trưởng với chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông 20

Nguyễn Sỹ Nam - Đào Ngọc Chính - Phan Thị Bích Lợi: Một số vấn đề về giáo dục STEM trong nhà trường phổ thông đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới 25

Nguyễn Minh Tuấn: Định hướng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới trong các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên 30

Phạm Phương Tâm - Lê Thị Thơ: Một số biện pháp phát triển hình thức đào tạo từ xa trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp 33

Ngô Thị Tân Hương - Nguyễn Thị Thu Phương: Tăng cường mối quan hệ giữa trường đại học và doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực 38

Nguyễn Thị Hồng Hiền: Một số vấn đề về tăng cường hoạt động trải nghiệm trong quản lý đào tạo theo tiếp cận chuẩn đầu ra ở các trường đại học khối ngành nghệ thuật 42

Nguyễn Thị Diễm Hằng - Nguyễn Thị Hồng Hạnh: Thực trạng và một số biện pháp nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học cho sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung trong đào tạo theo tín chỉ 46

Đỗ Phương Long - Lê Quang Trung: Thực trạng và một số biện pháp quản lý công tác nghiên cứu khoa học của chủ nhiệm khoa đối với giảng viên Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung 50

Nguyễn Thị Bích Thuận - Nguyễn Ngọc Trân: Vai trò của cố vấn học tập trong việc nâng cao chất lượng học tập của sinh viên tại Trường Đại học Đồng Tháp 54

Nguyễn Dương Hoàng: Thực trạng và một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Đồng Tháp 59

Nguyễn Hợp Tuấn: Một số vấn đề lý luận cơ

bản về quản lý hoạt động thực hành sư phạm của học viên ở các trường sĩ quan quân đội theo định hướng phát triển năng lực 63

Hồ Thị Hồng Cúc: Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ chủ chốt cấp cơ sở ở các trường chính trị khu vực Đồng bằng sông Cửu Long 69

Hà Trọng Nghĩa: Giải pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc nhằm đáp ứng yêu cầu toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay 73

Giang Quỳnh Hương: Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt người dân tộc thiểu số cấp cơ sở ở khu vực Tây Bắc hiện nay 80

Phạm Thu Hà: Bản chất, hình thức của quan hệ công chúng và vận dụng trong giáo dục 85

TÂM LÝ HỌC - SINH LÝ HỌC LÚA TUỔI

Nguyễn Thị Như Mai: Một số yếu tố tâm lý ảnh hưởng tiêu cực đến hành vi ứng xử của giáo viên mầm non trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ 89

Phạm Văn Cường - Nguyễn Văn Giới: Một số yếu tố ảnh hưởng đến thích ứng với học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc 93

LÍ LUẬN GIÁO DỤC - DẠY HỌC

Trịnh Thị Kim Ngọc: Lựa chọn một số đồ chơi phát triển tri giác nghe cho trẻ khiếm thính mầm non 97

Lê Thị Thu Hà - Đoàn Anh Chung: Vận dụng lý thuyết đa trí tuệ của H. Gardner trong đánh giá học sinh tiểu học theo tiếp cận năng lực 103

Nguyễn Thị Hồng Chuyên: Một số biện pháp đánh giá kết quả học tập ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực 107

Vũ Hồng Linh: Lý thuyết kết nối và một số gợi ý vận dụng lý thuyết kết nối trong dạy học 112

Đỗ Đình Thái - Lê Chi Lan: Một số vấn đề lý luận về văn hóa trường đại học và phát triển văn hóa tinh thần trong trường đại học 115

Lê Thị Hồng: Nghiên cứu một số điều kiện và biện pháp phát triển năng lực dạy học đọc hiểu cho giáo viên tiểu học 119

Nguyễn Thị Kim Phương: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học môn Toán phần Số thập phân cho học sinh lớp 5 ở Trường Tiểu học Chu Văn An, Hà Nội 123

Lâm Thùy Dương - Trần Việt Cường: Vận dụng mô hình hóa toán học trong dạy học môn Toán ở tiểu học 127

Lê Thị Thanh Hằng - Đỗ Việt Anh: Dạy học giải bài tập Hình học Họa hình theo hướng rèn luyện tư duy sáng tạo cho sinh viên đại học khối ngành Kỹ thuật 130

Trần Hồng Hải: Nghiên cứu và vận dụng phép thấu xạ Afin trong dạy bài toán biểu diễn đường elip trong Hình học Họa hình nhằm nâng cao năng lực biểu diễn hình học cho sinh viên 134

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

VIETNAM JOURNAL OF EDUCATION
ISSN 2354-0753

Năm thứ mười tám
Ra ngày 5 và 20 hàng tháng

SỐ ĐẶC BIỆT
(tháng 9/2018)

Tổng biên tập

LÊ THANH OAI

Hội đồng biên tập

PHẠM MINH HẠC

TRẦN VĂN NHUNG

ĐINH QUANG BÁO

NGUYỄN THỊ CÔI

PHẠM TẮT DONG

ĐẶNG VĂN ĐỨC

CAO CỤ GIÁC

NGUYỄN THANH HÙNG

NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

BÙI VĂN NGHỊ

NGUYỄN QUANG NINH

THÁI VĂN THÀNH

ĐỖ HƯƠNG TRÀ

NGUYỄN THỊ MỸ TRINH

DOROTHY I-RU CHEN

MASARU TAKIGUCHI

HANS-GEORG WEIGAND

HAMID CHAACHOUA

CHOKCHAI YUENYONG

Trụ sở:

Số 4 Trịnh Hoài Đức - Hà Nội

Fax: (024) 37345363

<https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn>

Email: tapchigiaoduc@moet.gov.vn

Ban Biên tập: (024) 37343571

Email: banbientap@moet.gov.vn

Ban Thư kí tòa soạn: (024) 37345663

Email: banthuki@moet.gov.vn

Ban Trị sự: (024) 37345363

Email: bantrisu@moet.gov.vn

Tài khoản:

102010000026240 Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh TP. Hà Nội

1400201033693 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Láng Hạ - Hà Nội

Trình bày:

Quang Linh - Hoàng Mai

Giấy phép xuất bản: Số 1909/CBC-BCTU, ngày 15/12/2017

In tại: Công ty Cổ phần In và Truyền thông Kết Thành - Số 5, ngách 26/56 đường Cầu Diễn, P. Phú Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Mục lục - Số đặc biệt tháng 9/2018

Đỗ Thị Thanh: Tập luyện cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học khối Kỹ thuật sử dụng những công cụ khác nhau trong quá trình giải các bài toán về kiểm định giả thuyết 138

Lê Minh Cường: Xây dựng và hướng dẫn sử dụng tài liệu tự học trực tuyến theo module học phần “Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học toán” 143

Lê Thanh Huy - Nguyễn Thị Huyền Trang: Vận dụng B-learning trong tổ chức dạy học chương “Các định luật bảo toàn” (Vật lí 10) với sự hỗ trợ của Facebook theo hướng phát triển năng lực tự học của học sinh 147

Lê Thị Thu Hiền - Cao Văn Kiên: Phát triển kĩ năng tự đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học Vật lí ở trường phổ thông 153

Đặng Thị Kim Thoa: Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học phần “Địa lí du lịch Việt Nam” ở Trường Đại học Đông Á 160

Hoàng Cao Minh: Ngôn ngữ lập trình Python và đề xuất đưa ngôn ngữ lập trình Python vào chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học 165

Nguyễn Hải Trung - Phạm Thị Thu Hằng - Dương Văn Khoa: Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 12 hiện nay 169

Nguyễn Xuân Sinh - Trần Văn Tường: Thực trạng gắn đôi mới nội dung với đôi mới phương pháp dạy học các môn Khoa học xã hội và Nhân văn ở Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng 173

Đặng Thị Lan: Đổi mới phương pháp dạy học hát chèo và quan họ ở hệ đại học sư phạm âm nhạc - Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương 177

Phạm Đắc Thi: Đào tạo các môn học kiến thức giáo dục đại cương trong các trường đại học nghệ thuật 182

Đặng Ngọc Quang - Phạm Văn Việt: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh Trường Trung học phổ thông Kiến Thụy - Hải Phòng 187

Trịnh Thế Linh: Đánh giá thực trạng tính tự giác, tích cực của sinh viên không chuyên Trường Đại học Tây Bắc khi học môn Giáo dục thể chất 192

Nguyễn Thị Phương Thảo: Một số biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần giáo dục thể chất tại Trường Đại học Công đoàn 196

Hoàng Thế Nghĩa - Nguyễn Đình Hiếu: Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực chuyên môn cho nữ vận động viên Judo lứa tuổi 15-16 của thành phố Hải Phòng 202

Tạ Hồng Tuấn - Phạm Văn Phú: Lựa chọn bài tập nâng cao trình độ thể lực cho nam vận động viên vật tự do lứa tuổi 15-17 của thành phố Hà Nội 208

Đào Minh Thắng - Nguyễn Nam Thành: Lựa chọn bài tập nâng cao thể lực cho học

viên năm thứ hai, hệ đại học tại Trường Sĩ quan đặc công 214

Nguyễn Thị Hải Hậu: Phát huy tính tích cực của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Nghệ An trong quá trình học tập chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh thông qua phương pháp dạy học nêu vấn đề 219

Nguyễn Tự Cường: Một số biện pháp nâng cao chất lượng tự học chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế Nghệ An 223

Thái Văn Hội: Một số biện pháp đổi mới phương pháp dạy học học phần Chính trị quân sự, chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng phát triển năng lực người học 227

Hồ Thị Hồng Cúc: Một số vấn đề lí luận về đổi mới phương pháp dạy học các môn lí luận chính trị ở Trường chính trị các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng phát triển năng lực 231

Đinh Thị Hạnh - Lê Xuân Hồng: Thực trạng và giải pháp tăng cường công tác giáo dục lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho sinh viên đại học chính quy Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định 236

Nguyễn Hữu Toàn: Một số biện pháp giáo dục sinh viên nhận diện, đấu tranh với thông tin sai trái trên mạng Internet hiện nay 240

Đinh Thanh Xuân: Hứng thú học tập học phần Triết học Mác - Lênin của sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội hiện nay 244

Nguyễn Thị Huyền: Khai thác các thông điệp văn hóa qua hình tượng Lang Liêu và truyện “Bánh chưng bánh dày” nhằm giáo dục di sản tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ cho thế hệ trẻ 248

THỰC TIỄN GIÁO DỤC

Vũ Thị Thủy: Thực trạng kĩ năng giao tiếp của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trò chơi đồng vai theo chủ đề ở trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam 253

Lê Nhật Quang: Mô hình hóa hệ thống xử lí nước thải của nhà máy chế biến thủy sản phục vụ giảng dạy tại Trường Cao đẳng Kiên Giang 257

GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI

Nguyễn Thị Sâm: Dạy học đọc tiếng Việt cho học sinh lớp 1 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào 263

KhongViLay VOLAYUTH - Trần Trung Ninh: Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trung học phổ thông thông qua dạy học theo dự án phân Hóa học vô cơ ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 267

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

Lê Thị Diệu Thu: Một số ý kiến về tích hợp giáo dục kĩ năng sống trong dạy học Ngữ văn 276

**VIETNAM JOURNAL
OF EDUCATION (VJE)**

ISSN 2354-0753

**The eighteenth year
Published
on the 5th and 20th monthly**

**Special Issue
September 2018**

Chief Editor:

LE THANH OAI

Editorial Board:

PHAM MINH HAC
TRAN VAN NHUNG
DINH QUANG BAO
NGUYEN THI COI
PHAM TAT DONG
DANG VAN DUC
CAO CU GIAC
NGUYEN THANH HUNG
NGUYEN THI MY LOC
BUI VAN NGHI
NGUYEN QUANG NINH
THAI VAN THANH
DO HUONG TRA
NGUYEN THI MY TRINH
DOROTHY I-RU CHEN
MASARU TAKIGUCHI
HANS-GEORG WEIGAND
HAMID CHAACHOUA
CHOKCHAI YUENYONG

Office:

Number 4, Trinh Hoai Duc Str., Dong Da
Dist., Hanoi, Vietnam
Fax number: (84.24) 37345363
Editorial Department: (84.24) 37343571
Secretary Department: (84.24) 37345663
Financial and Administration Department:
(84.24) 37345363

Website:

<https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn>

Email:

tapchigiaoduc@moet.gov.vn

Designer:

Quang Linh - Hoang Mai

Publishing License:

No 1909/CBC-BCTU¹, December 15, 2017

Printed:

Ket Thanh Printing and Media SJC.
Add: No. 5, 26/56 Cau Dien str., Bac Tu
Liem dist., Hanoi

Contents - Special Issue September 2018

**PROMOTING THE MOVMENT OF
“LEARN AND FOLLOW THE IDEOLOGY,
MORALITY AND STYLE OF FORMER
PRESIDENT HO CHI MINH” IN THE
EDUCATION**

Tran Thanh Huong: From President Ho Chi Minh's point of view on fostering Vietnam's young generation to the development of human sources in the new era today 2

Nguyen Thi Thanh Tung - Tran Ngoc Vien: Educating the spirit of patriotic emulation for Vietnamese youth today according to Ho Chi Minh's ideology, morality and style 5

EDUCATION MANAGEMENT

Nguyen Thi Kim Ngan: Measures to manage evaluation activities of the children's development in preschools in Binh Chanh District, Ho Chi Minh City 9

Huynh Thi Ngoc Mai: Some theoretical issues of developing the principals in the secondary schools meeting the requirements of education renovation 14

Mai Hoang Sang: The relationship between the professional competency of the principals and the program of fostering school administrators 20

Nguyen Sy Nam - Dao Ngoc Chinh - Phan Thi Bich Loi: Some issues of STEM education in the school meet the new general education curriculum 25

Nguyen Minh Tuan: Orientation of implementing new general education curriculum in the Centers for Occupational Education - Continuing Education 30

Pham Phuong Tam - Le Thi Tho: A number of measures to develop the form of distance education in vocational education activities 33

Ngo Thi Tan Huong - Nguyen Thi Thu Phuong: Strengthening the relationship between universities and enterprises to enhance the quality of human resources training 38

Nguyen Thi Hong Hien: Some issues about enhancing experiential activities in training management by approaching the outcome standards at art universities 42

Nguyen Thi Diem Hong - Nguyen Thi Hong Hanh: The reality and some measures to enhance the efficiency of scientific research for students in Vietnam - Hungary Industrial University in credit-based training 46

Do Phuong Long - Le Quang Trung: The reality and some measures to manage scientific research of faculty deans for lecturers at Vietnam - Hungary Industrial University 50

Nguyen Thi Bich Thuan - Nguyen Ngoc Tran: The role of academic advisor in improving the quality of student's learning at Dong Thap University 54

Nguyen Duong Hoang: Current status and some solutions to improve the quality of

masters training at Dong Thap University 59
Nguyen Hop Tuan: Some basic reasoning issues on management of pedagogical practice activity of learners in military officer universities oriented to develop learner's competencies 63

Ho Thi Hong Cuc: Some solutions to improve the training quality of political theory for key staffs at basic level in Political Officer Colleges at the Mekong 69

Ha Trong Nghia: Solutions for training and fostering of ethnic minority staffs in the Northwestern region to meet the requirements of globalization and international integration in the current period 73

Giang Quynh Huong: Some solutions to improve the quality of training and fostering for key ethnic minority staffs at basic level in the Northwestern region today 80

Pham Thu Ha: The nature and form of public relations and application in education 85

**PSYCHOLOGY AND AGE-GROUP
PHYSIOLOGY**

Nguyen Thi Nhu Mai: Some psychological factors negatively affect the behaviors of preschool teachers in the process of children care and education 89

Pham Van Cuong - Nguyen Van Gioi: A number of factors affecting the adaptation with learning in groups under the credit-based system of ethnic minority students in the northern mountainous region 93

THEORY OF EDUCATION - TEACHING

Trinh Thi Kim Ngoc: Select some types of toys to develop auditory perception for preschool children with hearing impairment 97

Le Thi Thu Ha - Doan Anh Chung: Applying H. Gardner's multi-intellectual theory in assessing elementary students according to competency approach 103

Nguyen Thi Hong Chuyen: Some measures to assess learning outcomes in primary schools in the direction of competency development 107

Vu Hong Linh: Connectivism theory and some suggestions for application of Connectivism in teaching 112

Do Dinh Thai - Le Chi Lan: Some theoretical issues about university culture and the development of spiritual culture in universities 115

Le Thi Hong: Study some conditions and measures to develop the teaching competency of reading for primary teachers 119

Nguyen Thi Kim Phuong: A number of measures to improve the effectiveness of teaching Mathematics in Decimal section for grade 5th students at Chu Van An Primary School, Hanoi 123

Lam Thuy Duong - Tran Viet Cuong: Applying mathematical modeling in teaching mathematics in elementary schools 127

**VIETNAM JOURNAL
OF EDUCATION (VJE)**

ISSN 2354-0753

**The eighteenth year
Published
on the 5th and 20th monthly**

**Special Issue
September 2018**

Chief Editor:

LE THANH OAI

Editorial Board:

PHAM MINH HAC
TRAN VAN NHUNG
DINH QUANG BAO
NGUYEN THI COI
PHAM TAT DONG
DANG VAN DUC
CAO CU GIAC
NGUYEN THANH HUNG
NGUYEN THI MY LOC
BUI VAN NGHI
NGUYEN QUANG NINH
THAI VAN THANH
DO HUONG TRA
NGUYEN THI MY TRINH
DOROTHY I-RU CHEN
MASARU TAKIGUCHI
HANS-GEORG WEIGAND
HAMID CHAACHOUA
CHOKCHAI YUENYONG

Office:

Number 4, Trinh Hoai Duc Str., Dong Da
Dist., Hanoi, Vietnam
Fax number: (84.24) 37345363
Editorial Department: (84.24) 37343571
Secretary Department: (84.24) 37345663
Financial and Administration Department:
(84.24) 37345363

Website:

<https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn>

Email:

tapchigiaoduc@moet.gov.vn

Designer:

Quang Linh - Hoang Mai

Publishing License:

No 1909/CBC-BCTU^J, December 15, 2017

Printed:

Ket Thanh Printing and Media S.JC.
Add: No. 5, 26/56 Cau Dien str., Bac Tu
Liem dist., Hanoi

Contents - Special Issue September 2018

Le Thi Thanh Hang - Do Viet Anh: Teaching solving problem of descriptive geometry in the direction of training creative thinking for students in the Engineering Universities	130
Tran Hong Hai: Research and apply Affine homology in teaching the problem of elliptic line representation in descriptive geometry to improve the competency of represent geometry for students	134
Do Thi Thanh: Training for students of technical colleges, universities using different tools in solving hypothesis testing problems	138
Le Minh Cuong: Develop and guide the use of online self-study materials under the module of "Applying information technology in teaching Mathematics"	143
Le Thanh Huy - Nguyen Thi Huyen Trang: Applying B-learning in the organization of teaching the chapter "The laws of conservation" (Physics grade 10) with the support of facebook orienting development of self-study competency of students	147
Le Thi Thu Hien - Cao Van Kien: Develop self-assessment skills of students in teaching Physics in the high school	153
Dang Thi Kim Thoa: Organizing experiential activities in teaching "Vietnam tourism geography" module at Dong A University	160
Hoang Cao Minh: Python programming language and proposing to add Python programming to the general education curriculum of Informatics	165
Nguyen Hai Trung - Pham Thi Thu Hang - Duong Van Khoa: Integrate Ho Chi Minh Thought in teaching Citizens Education grade 12	169
Nguyen Xuan Sinh - Tran Van Tuong: The reality of linking content innovation with innovating teaching methods of social sciences and humanities at the Political Academy - Ministry of National Defense	173
Dang Thi Lan: Innovating teaching method of singing Cheo and Quan ho at the university level of music pedagogy - National University of Art Education	177
Pham Duc Thi: Training of general education knowledge subjects in Art Universities	182
Dang Ngoc Quang - Pham Van Viet: Some measures to improve the effectiveness of extra-curricular sport activities for students in Kien Thuy high school - Hai Phong city	187
Trinh The Linh: Assess the reality of self-consciousness, positiveness of non-specialized students in Tay Bac University when studying Physical Education	192
Nguyen Thi Phuong Thao: Some measures to improve the quality of teaching Physical Education modules at Trade Union University	196
Hoang The Nghia - Nguyen Dinh Hieu: Research and develop criteria for assessing professional physical strength level for female Judo athletes aged 15-16 of Hai Phong city	202
Ta Hong Tuan - Pham Van Phu: Selecting exercises to improve physical strength level for male freestyle wrestling athletes aged 15 - 17 of Hanoi city	208
Dao Minh Thang - Nguyen Nam Thanh: Selecting exercises to improve physical strength for 2 nd year students, university level at Officer of the Vietnamese Special Forces	214
Nguyen Thi Hai Hau: Promote the positiveness of students at Nghe An College of Economics in learning process of National Defense and Security Education through problem-solving teaching method	219
Nguyen Tu Cuong: A number of measures to improve the quality of self-study on National Defense and Security Education for students in Nghe An College of Economics	223
Thai Van Hoi: Some measures to innovate teaching methods on module of Military Politics - National Defense and Security education curriculum in the direction of developing learners' competencies	227
Ho Thi Hong Cuc: Some theoretical issues about innovating teaching methods of Political theory modules in the Political College of the Mekong Delta provinces in the direction of developing competency	231
Dinh Thi Hanh - Le Xuan Hong: The reality and solutions to strengthen educating revolutionary ideal, morality, lifestyle for regular students in Nam Dinh University of Nursing	236
Nguyen Huu Toan: A number of measures to educate students to identify, fight with harmful information on the Internet today	240
Dinh Thanh Xuan: Interest in studying Philosophy of Marxism and Leninism module of students at Hanoi University of Science and Technology today	244
Nguyen Thi Huyen: Exploiting the cultural message through the Lang Lieu image and the folk tale "Banh chung banh day" to educate the religious heritage of worshipping Hung Vuong for the younger generation in Phu Tho	248
EDUCATIONAL PRACTICE	
Vũ Thi Thuy: The reality of communication skill of 5-6 years old children through thematic role-playing games in preschools in the northern mountainous region of Vietnam	253
Le Nhat Quang: Modeling of wastewater treatment system of seafood processing factory serving for teaching at Kien Giang College	257
OVERSEAS EDUCATION	
Nguyen Thi Sam: Teaching Vietnamese reading for grade 1 st students in the Lao People's Democratic Republic	263
Khong Vi Lay VOLAYUTH - Tran Trung Ninh: Assess the problem solving competency of high school students through project - based teaching module of Inorganic Chemistry in the Lao People's Democratic Republic	267
EXCHANGE OF IDEAS	
Le Thi Dieu Thu: Some ideas about integrating living skill education in teaching literature	276

DẠY HỌC GIẢI BÀI TẬP HÌNH HỌC HỌA HÌNH THEO HƯỚNG RÈN LUYỆN TƯ DUY SÁNG TẠO CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT

Lê Thị Thanh Hằng - Đỗ Việt Anh
Trường Đại học Mở - Địa chất

Ngày nhận bài: 29/08/2018; ngày sửa chữa: 10/09/2018; ngày duyệt đăng: 30/09/2018.

Abstract: Today, if the teacher uses inappropriate teaching methods, it will reduce the interest, the passion for exploration, discovery and creativity in learners. In the new age, education and training require high demands on the training of intelligence, creativity, adaptability to the rapid changes of society. This article mentions teaching solving problem of descriptive geometry in the direction of training creative thinking for students in the Engineering Universities

Keywords: Descriptive geometry, creative thinking, student.

1. Mở đầu

Đổi mới phương pháp dạy học không chỉ nhằm mục tiêu thay đổi cách dạy truyền thụ kiến thức một chiều mà chú trọng dạy học rèn luyện năng lực cho người học. Do vậy, sáng tạo là một trong những yếu tố của tư duy mà sinh viên (SV) cần có. Khái niệm về tư duy sáng tạo (TDST) được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, chẳng hạn như một số nghiên cứu của G.Polya [1], Đào Văn Trung [2], Lê Hải Yến [3],...

Trong quá trình dạy học ở đại học, giảng viên (GV) thường chỉ truyền thụ kiến thức cho người học, mà chưa chú trọng việc rèn luyện TDST cho các em. Trong thời đại mới, GD-ĐT đòi hỏi cần có những yêu cầu về việc rèn luyện trí thông minh, sáng tạo, tính năng động, thích nghi với những thay đổi nhanh của xã hội.

Bài viết đề cập một số biểu hiện của TDST trong dạy học giải bài tập Hình học Họa hình theo hướng rèn luyện tư duy sáng tạo cho SV đại học khối ngành Kỹ thuật.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tư duy sáng tạo

TDST là sự vận dụng các kinh nghiệm giải quyết vấn đề này cho các vấn đề khác, tạo nên kinh nghiệm mới dựa trên kinh nghiệm cũ, do đó làm phong phú thêm kinh nghiệm và tạo sự thay đổi về chất cho các sự vật. Theo tác giả Tôn Thân: *TDST là một loại tư duy độc lập tạo ra ý tưởng mới, độc đáo và có hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề* [4].

Lê Hải Yến khi nghiên cứu về tư duy đã cho rằng: *TDST hay tư duy khám phá là loại tư duy mở, phi logic, có quan hệ chặt chẽ với tư duy phê phán hay tư duy lập luận logic trong tìm kiếm giải pháp giải quyết vấn đề* [3].

TDST có thể hiểu là sự kết hợp hoàn thiện nhất của tư duy tích cực và tư duy độc lập, tạo ra những cái mới

để giải quyết vấn đề một cách hiệu quả và chất lượng. TDST là tư duy độc lập vì nó không bị gò bó, phụ thuộc vào những cái đã có. Tính độc lập của TDST được thể hiện trong việc đạt được mục đích và tìm giải pháp giải quyết vấn đề. Mỗi sản phẩm của TDST đều mang đậm dấu ấn của mỗi cá nhân tạo ra nó.

2.2. Một số yếu tố cơ bản của tư duy sáng tạo

TDST gồm 5 thành tố cơ bản sau: tính mềm dẻo; tính nhuần nhuyễn; tính độc đáo; tính hoàn thiện và tính nhạy cảm vấn đề; trong các thành tố này thì *tính mềm dẻo, tính nhuần nhuyễn, tính độc đáo* là 3 tính chất cơ bản của TDST.

- *Tính mềm dẻo:* Đó là khả năng thay đổi linh hoạt trật tự của hệ thống tri thức, chuyển từ góc độ quan niệm này sang góc độ quan niệm khác; định nghĩa lại sự vật, hiện tượng, xây dựng phương pháp tư duy mới, tạo ra sự vật mới. Tính mềm dẻo của TDST có các đặc trưng như: dễ dàng chuyển từ hoạt động trí tuệ này sang hoạt động trí tuệ khác; vận dụng linh hoạt các hoạt động phân tích, tổng hợp, so sánh, trừu tượng hóa, cụ thể hóa và các phương pháp suy luận như quy nạp, suy diễn, tương tự; linh hoạt chuyển từ giải pháp này sang giải pháp khác, điều chỉnh kịp thời hướng suy nghĩ nếu gặp trở ngại.

- *Tính nhuần nhuyễn* của TDST được thể hiện rõ ở đặc điểm sau: tính đa dạng của các cách giải quyết vấn đề khi giải Toán, khả năng tìm được nhiều giải pháp ở các góc độ và tình huống khác nhau. Trước một vấn đề cần giải quyết, người có khả năng TDST sẽ nhanh chóng tìm ra và đề xuất được nhiều phương án, từ đó tìm được phương án tối ưu. Tính nhuần nhuyễn được đặc trưng bởi khả năng tạo ra một số lượng nhất định các ý tưởng. Số ý tưởng nghĩ ra được càng nhiều thì sẽ có nhiều khả năng xuất hiện ý tưởng độc đáo.

- *Tính độc đáo* là khả năng tìm kiếm và quyết định phương thức giải quyết mới lạ hoặc duy nhất. Tính độc

đáo của tư duy được đặc trưng bởi: - Khả năng tìm ra những liên tưởng và kết quả mới; - Khả năng nhìn ra những mối liên hệ trong các sự kiện; - Khả năng tìm ra những giải pháp mới lạ tuy đã biết những giải pháp khác.

- *Tính hoàn thiện*: Là khả năng lập kế hoạch, phối hợp giữa ý nghĩ và hành động, phát triển ý tưởng, kiểm tra và chứng minh ý tưởng.

- *Tính nhạy cảm vấn đề*: Là khả năng phát hiện ra mâu thuẫn, sai lầm, sự thiếu logic,... trước những tình huống có vấn đề để sửa chữa, cấu trúc lại hợp lí, hài hòa nhằm tạo ra ý tưởng mới.

Trong hầu hết các công trình nghiên cứu về TDST cho thấy, tính mềm dẻo, nhuần nhuyễn, độc đáo là 03 yếu tố cơ bản nhất của TDST. Các yếu tố này có liên hệ mật thiết với các yếu tố khác như: tính hoàn thiện, tính nhạy cảm vấn đề.

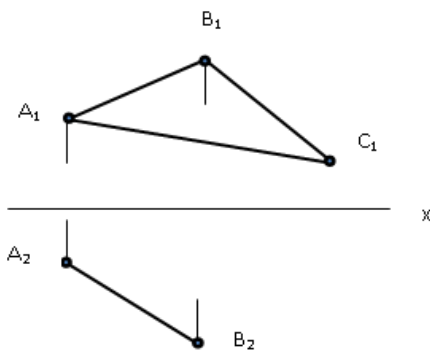
2.3. Dạy học giải bài tập Hình học Họa hình theo hướng rèn luyện tư duy sáng tạo cho sinh viên đại học khối ngành Kỹ thuật

2.3.1. Tính mềm dẻo

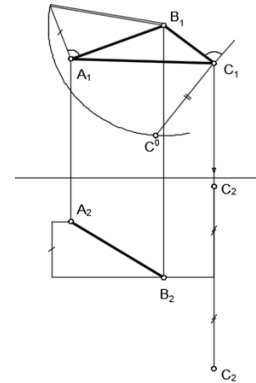
Qua nghiên cứu cơ sở lí luận, theo chúng tôi: GV có thể rèn luyện tính mềm dẻo của TDST cho SV thông qua giải bài tập Hình học Họa hình theo quy trình gồm các bước sau: - *Bước 1*: Phân tích tìm lời giải bài toán; - *Bước 2*: Trình bày lời giải; - *Bước 3*: Khai thác bài toán dựa trên: + Sự linh hoạt khi chuyển từ hoạt động trí tuệ này sang hoạt động trí tuệ khác; + Sử dụng các thao tác tư duy: tương tự, đặc biệt hóa, khái quát hóa để khai thác bài toán.

Ví dụ 1: cho điểm $A(A_1; A_2)$, điểm $B(B_1; B_2)$ và hình chiếu đứng C_1 của điểm C . Xác định điểm C_2 biết tam giác ABC cân tại B ? (xem hình 1).

Bước 1: Vì hai điểm C_1 và C_2 cùng thuộc một đường đồng, nếu như biết hiệu độ xa của hai điểm A và C (hoặc B và C), người học hoàn toàn xác định được điểm C_2 . Với giả thiết tam giác ABC cân tại B , tức là $BA = BC$ (về độ lớn thật), đồng thời điểm C_1 cho trước, như vậy hoàn toàn xác định được hiệu độ xa của hai điểm B và C . GV có thể hướng dẫn SV giải bài toán theo cách sau:



Hình 1



Hình 2

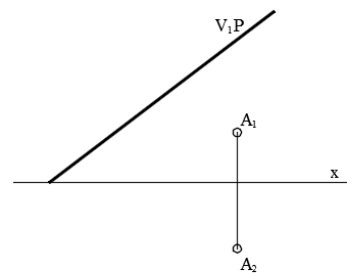
Bước 2: Trình bày lời giải: - Xác định độ lớn thật của AB (bằng độ lớn thật của BC); - Qua C_1 , dựng đường vuông góc với C_1B_1 , cắt cung tròn ($B_1; AB$) tại điểm C_0 . Khi đó, C_1C_0 chính bằng hiệu độ xa của hai điểm B và C ; - Xác định C_2 thuộc đường đồng đi qua C_1 khi đã biết hiệu độ xa giữa B và C (xem hình 2).

Bước 3: Khai thác bài toán: để giải bài toán này, nếu SV không có tư duy linh hoạt, không biết phân tích, chuyển hóa bài toán xác định hình chiếu bằng C_2 của điểm C về xác định độ lớn thật của AB thì sẽ không tìm ra được cách giải quyết bài toán nhanh chóng.

2.3.2. Tính nhuần nhuyễn

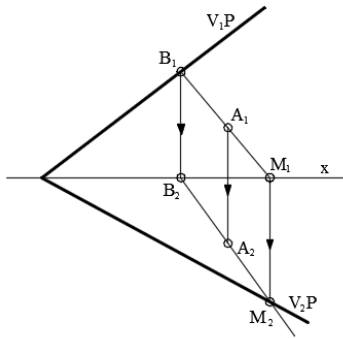
Để rèn luyện cho người học tính mềm dẻo, theo chúng tôi, GV cần hướng dẫn SV thực hiện theo các bước sau khi giải bài toán: - *Bước 1*: phân tích, tìm lời giải của bài toán; - *Bước 2*: Trình bày lời giải; - *Bước 3*: Khai thác và giải bài toán theo các cách khác nhau.

Ví dụ 2: Xác định vết bằng V_2P của mặt phẳng khi đã biết một vết đứng V_1P và có điểm $A(A_1, A_2)$ thuộc (P) (xem hình 3).

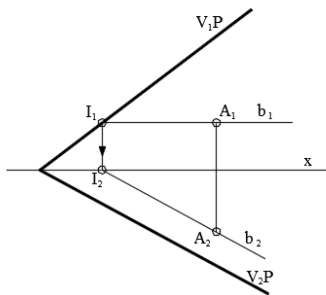


Hình 3

Bước 1: như chúng ta đã biết, hai vết của mặt phẳng và trục x đồng quy hoặc song song. Do vậy, trong trường hợp này V_2P phải đi qua giao điểm của V_1P và x . Từ đó, bài toán có thể được giải theo hai cách sau (xem hình 4a, 4b):



Hình 4a



Hình 4b

Bước 2. Trình bày lời giải: - Xác định điểm B thuộc mặt phẳng (P), có $B_1 \in V_1P$, $B_2 \in x$; - **Bước 2:** Xác định đường thẳng AB; - Xác định V_2AB ; - Xác định V_2P (xem hình 4a).

Bước 3: khai thác bài toán và giải bài toán theo các cách khác nhau. GV có thể hướng dẫn SV tìm cách giải khác theo hướng sau:

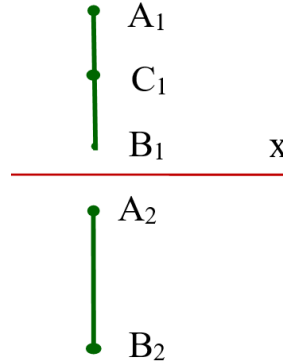
Cách 2: qua điểm A, xác định đường bằng b của mặt phẳng (P), xác định hình chiếu bằng b_2 của đường b, xác định $V_2P \parallel b_2$.

Nhận xét: - Trong cách giải thứ hai, do sử dụng tính chất vết bằng của mặt phẳng song song với đường bằng, nên cách giải thứ hai ngắn gọn hơn cách giải thứ nhất; - Trong ví dụ trên, nếu thay đổi vị trí mặt phẳng (P) (chẳng hạn cho $(P) \parallel x$) ta sẽ được bài toán tương tự và có thể yêu cầu SV thảo luận, đề xuất quy trình giải bài toán này.

Ví dụ 3: cho điểm C thuộc đường thẳng đặc biệt AB (A_1B_1 ; A_2B_2), biết hình chiếu đứng C_1 , xác định hình chiếu bằng C_2 ? (xem hình 5).

Bước 1. Phân tích bài toán: Để giải dạng bài toán liên quan tới cách xác định một điểm thuộc đường cạnh, phần lớn đều sử dụng cơ sở lý thuyết sau: $C \in AB \Leftrightarrow (A_1C_1B_1)$

$$= (A_2C_2B_2) \Leftrightarrow \frac{A_1C_1}{C_1B_1} = \frac{A_2C_2}{B_2C_2} (*)$$



Hình 5

Do vậy, C phải có hình chiếu bằng $C_2 \in A_2B_2$ thỏa mãn (*), từ đó đề xuất được cách xác định C_2 như sau:

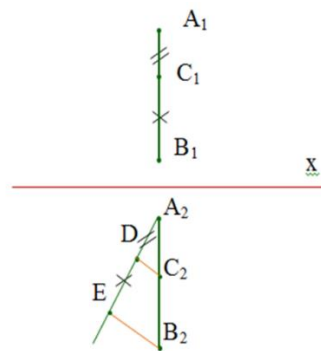
Bước 2. Trình bày lời giải: - Qua A_2 , dựng tia bất kì không trùng A_2B_2 ; - Xác định D, E trên tia vừa dựng: $A_2D = A_1C_1$; $DE = C_1B_1$; - Nối E với B_2 , qua D dựng $\parallel EB_2$ cắt A_2B_2 tại C_2 cần tìm (xem hình 6a).

Bước 3. Khai thác bài toán và giải bài toán theo các cách khác nhau: GV lưu ý cho SV tìm mối quan hệ liên thuộc giữa điểm và đường thẳng luôn đúng đối với mọi phương chiếu và mặt phẳng chiếu, yêu cầu các em tìm mối quan hệ liên thuộc giữa các điểm C_1, C_2, C_3 với hình chiếu tương ứng của AB? Từ đó, đề xuất lời giải mới cho bài toán.

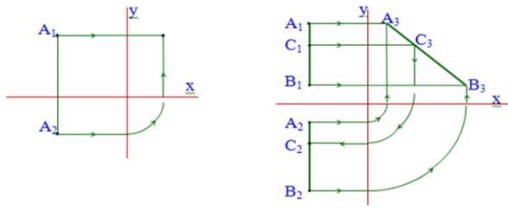
Từ các câu hỏi mang tính dẫn dắt, gợi mở vấn đề ở trên, SV đưa ra nhận xét sau:

$$C \in AB \Leftrightarrow \begin{cases} C_1 \in A_1B_1 \\ C_2 \in A_2B_2 (***) \\ C_3 \in A_3B_3 \end{cases}$$

SV có thể đề xuất được cách giải khác cho bài toán thông qua tính chất (***) và cách xác định hình chiếu cạnh của điểm (xem hình 6b).



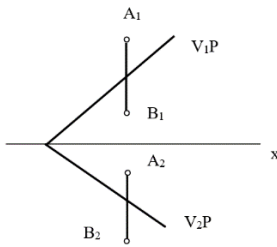
Hình 6a



Hình 6b

2.3.3. Tính độc đáo

Ví dụ 4: Tìm giao điểm của đường thẳng cạnh AB (A₁B₁; A₂B₂) với mặt phẳng (P) = (V₁P, V₂P) (xem hình 7).



Hình 7

Tim hiểu và khai thác lời giải bài toán theo các cách giải khác nhau như sau.

Cách 1: Dùng mặt phẳng phụ trợ (R) xác định bằng hai đường thẳng song song p và q, với p qua A, q qua B; ta lấy p và q là hai đường thẳng mặt (xem hình 8a).

- Tìm giao tuyến IJ = R ∩ (Q), trong đó I = p ∩ (Q); J = q ∩ (Q). Để xác định I ta sử dụng mặt phẳng mặt (M) làm mặt phẳng phụ trợ. Để xác định J ta sử dụng mặt phẳng mặt (N) làm mặt phẳng phụ trợ.

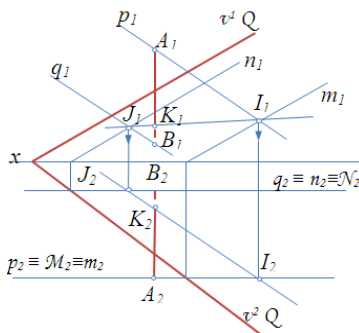
- Xác định giao điểm K = IJ ∩ d.

Cách 2: Dùng mặt phẳng phụ trợ (R) là mặt phẳng cạnh: v¹R ≡ v²R ≡ A₁B₁ ≡ A₂B₂. (xem hình 8b).

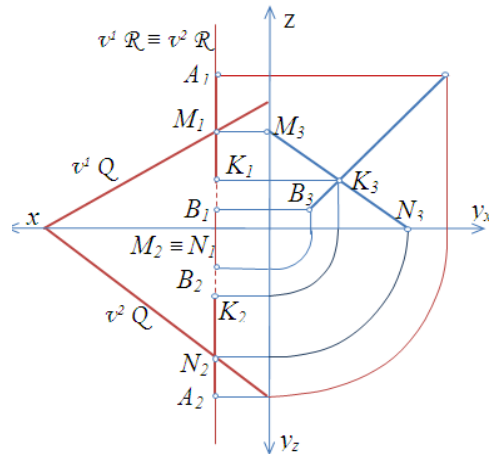
- Tìm giao tuyến MN = (R) ∩ (Q) với M = V₁R ∩ V₁Q; N = V₂R ∩ V₂Q.

- Vẽ hình chiếu cạnh của AB và MN. Xác định giao điểm K = AB ∩ MN:

$$K_3 = A_3B_3 \cap M_3N_3; K_3 \rightarrow K_1 \in A_1B_1 \text{ và } K_2 \in A_2B_2.$$

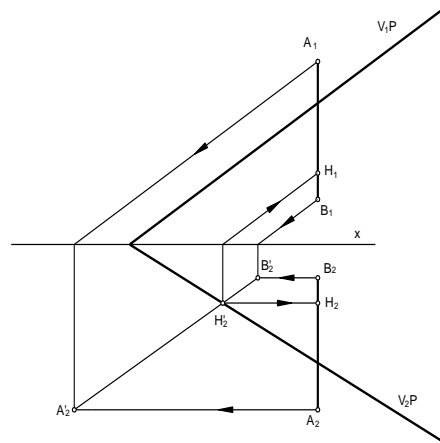


Hình 8a



Hình 8b

Cách 3: Dùng phép chiếu phụ, chiếu mặt phẳng P và đường cạnh AB lên mặt phẳng P theo hướng V₁P xuống mặt phẳng P₂ (xem hình 9).



Hình 9

Nhận xét: Với một bài toán đưa ra đã có 3 cách giải khác nhau, có thể nhận thấy việc sử dụng phép chiếu phụ cho ta lời giải ngắn gọn, độc đáo trong lời giải thứ 3.

3. Kết luận

Các tính chất cơ bản của TDST không tách rời nhau mà trái lại, chúng có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ và bổ sung cho nhau. Khả năng linh hoạt chuyển từ hoạt động trí tuệ này sang hoạt động trí tuệ khác (tính mềm dẻo) tạo điều kiện cho việc tìm được nhiều cách giải dưới góc độ khác nhau (tính nhuần nhuyễn), nhờ việc đề xuất được nhiều phương án khác nhau nên có thể tìm được phương án mới lạ và đặc sắc (tính độc đáo).

Trong quá trình giảng dạy, với vai trò là người hướng dẫn, điều khiển quá trình nhận thức của người học, GV cần chú trọng rèn luyện, bồi dưỡng TDST cho SV; từ đó hiệu quả dạy học sẽ được nâng cao.

(Xem tiếp trang 88)

tiếp, vận hành/tổ chức các sự kiện đặc biệt và giao tiếp với truyền thông. Các hoạt động này tập trung vào phục vụ cho việc thực hiện các chiến lược giao tiếp tổng thể của tổ chức/tổ chức GD.

- Vai trò quản lý tập trung vào việc xác định và giải quyết các vấn đề tồn tại của QHCC để tư vấn cho các nhà lãnh đạo, quản lý cấp cao về các nhu cầu giao tiếp và chịu trách nhiệm xã hội với các kết quả hoạt động của tổ chức/tổ chức GD.

Vận dụng QHCC trong GD thường thực hiện các nhiệm vụ chính sau [2]:

- Dự đoán, phân tích và giải thích các quan điểm, thái độ, các vấn đề của công luận có thể tác động/ảnh hưởng (tốt hay xấu) tới quá trình thiết lập và vận hành thực hiện kế hoạch phát triển của tổ chức/tổ chức GD.

- Nghiên cứu, thực hiện và đánh giá các chương trình hành động về QHCC và giao tiếp với công chúng để đạt tới hiểu biết chung cần có nhằm thực hiện thành công các mục tiêu của tổ chức/tổ chức GD. Chúng có thể bao gồm các chương trình marketing, huy động tài chính, phát triển nhân viên, quan hệ cộng đồng hay các quan hệ với cơ quan quản lý cấp trên và các chương trình khác.

- Lập kế hoạch QHCC (thiết lập các mục tiêu, lập ngân sách, tuyển chọn và huấn luyện nhân viên, phát triển cơ sở vật chất) và thực hiện kế hoạch để tạo ra ảnh hưởng hay thay đổi nhằm đạt tới mục tiêu của tổ chức/tổ chức GD.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ trên, các hoạt động cơ bản của QHCC và vận dụng trong GD cần tập trung vào quản lý giao tiếp bên trong, bên ngoài và quản lý sự kiện... Các hoạt động này được thực hiện thông qua:

- Thiết kế và thực hiện các chiến dịch/cuộc vận động, tổ chức thông cáo báo chí và nội dung khác về tin tức mới, viết nội dung cho website...

- Làm việc với truyền thông, sắp xếp các phòng vấn cho người phát ngôn của tổ chức/tổ chức GD, phỏng vấn và phát biểu trước truyền thông... để duy trì và nâng cao uy tín của tổ chức/tổ chức GD.

3. Kết luận

Từ phân tích trên cho thấy bản chất của QHCC và vận dụng trong GD là quá trình trao đổi thông tin hai chiều giữa chủ thể của tổ chức/tổ chức GD và công chúng liên quan, qua việc cung cấp thông tin và thu thập phản hồi thông tin, nhằm tác động tới nhận thức của công chúng để đạt được mục đích của chủ thể và mong muốn nhận được sự quan tâm ủng hộ của công chúng. QHCC trong giáo dục chủ yếu chú trọng về thiết lập và thúc đẩy mối quan hệ đối tác với cộng đồng, với công chúng. Nắm chắc bản chất, hình thức QHCC để vận dụng trong GD là tiền đề để thúc đẩy nền GD-ĐT phát triển một cách toàn diện.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Thu Hà (2016). *Quan hệ công chúng và vai trò của quan hệ công chúng trong giáo dục*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 3 tháng 6, tr 133-136; 123.
- [2] Nguyễn Tiến Hùng (2016). *Bản chất của quan hệ công chúng trong giáo dục*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 134, tr 1-4.
- [3] Đinh Thị Thúy Hằng (2008). *Quan hệ công chúng: Lý luận và ứng dụng*. NXB Lao động - Xã hội.
- [4] Carlsmith, L. - Railsback, J. (2001). *The power of public relations in schools*. Northwest Regional Educational Laboratory.
- [5] Grunig, J. E. (2000). *Two-way symmetrical public relations: Past, present, and future*. Handbook of Public Relations, SAGE, pp. 11-30.
- [6] Broom, G. M. - Cutlip, S. M. (2009). *Effective Public Relations*. Prentice Hall, Pearson.
- [7] Đinh Thị Thúy Hằng (2010). *Ngành PR tại Việt Nam*. NXB Lao động - Xã hội.
- [8] Moi Ali (2006). *Effective Public Relations*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

ĐẠY HỌC GIẢI BÀI TẬP HÌNH HỌC...

(Tiếp theo trang 133)

Tài liệu tham khảo

- [1] G. Polya (1976). *Sáng tạo toán học* (tập 3). NXB Giáo dục.
- [2] Đào Văn Trung (1996). *Làm thế nào để học tốt toán phổ thông*. NXB Giáo dục.
- [3] Lê Hải Yên (2008). *Đạy và học cách tư duy*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Tôn Thân (1995). *Xây dựng hệ thống câu hỏi và bài tập nhằm bồi dưỡng một số yếu tố của tư duy sáng tạo cho học sinh khá và giỏi ở trường trung học cơ sở Việt Nam (thể hiện qua chương các trường hợp bằng nhau của tam giác lớp 7)*. Luận án phó tiến sĩ Khoa học tâm lí, Viện Khoa học giáo dục.
- [5] Nguyễn Bá Kim (2015). *Phương pháp dạy học môn Toán* (Tái bản lần thứ 7). NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Nguyễn Quang Cự - Nguyễn Mạnh Dũng (2004). *Hướng dẫn giải bài toán hình học họa hình*. NXB Xây dựng.
- [7] Nguyễn Đình Điện - Đỗ Mạnh Môn (2006). *Hình học Họa hình* (tập 1). NXB Giáo dục.
- [8] Nguyễn Thái Hòa (2004). *Rèn luyện tư duy qua việc giải bài tập toán*. NXB Giáo dục.
- [9] Hoàng Chúng (1969). *Bồi dưỡng khả năng sáng tạo toán học ở trường phổ thông*. NXB Giáo dục.